VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Ban hành định mức hỗ trợ duy trì và phát triển cung ứng dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2009 - 2010

Thông tư số 23/2009/TT-BTTTT ngày 20 tháng 7 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức hỗ trợ duy trì và phát triển cung ứng dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2009 - 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 38/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2009/TT-BTTTT ngày 20 tháng 7 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức hỗ trợ duy trì và phát triển cung ứng dịch vụ viễn thông công ích.

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 191/2004/QĐ-TTg ngày 08/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 74/2006/QĐ-TTg ngày 07/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 67/20006/TT-BTC ngày 18/7/2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính của Quỹ Dịch vụ Viễn thông công ích Việt Nam;

Sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính (Công văn số: 9061/BTC-TCNH ngày 25/6/2009) về định mức hỗ trợ cung ứng dịch vụ viễn thông công ích;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính[1],

---

[1] Thông tư số 38/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2009/TT-BTTTT ngày 20 tháng 7 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức hỗ trợ duy trì và phát triển cung ứng dịch vụ viễn thông công ích có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

QUY ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này:

1. Định mức hỗ trợ duy trì và phát triển cung ứng dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2009 - 2010 (Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này).

2. Danh sách phân chia khu vực áp dụng định mức quy định tại khoản 1 Điều này đối với các huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (viết tắt là huyện thuộc vùng CI) và các xã thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này).

Điều 2. Quy định về áp dụng:

Định mức hỗ trợ duy trì và phát triển cung ứng dịch vụ viễn thông công ích ban hành kèm theo Thông tư này để áp dụng trong các trường hợp sau:

1. Xây dựng kế hoạch cung ứng dịch vụ viễn thông công ích; xác định dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch;

2. Thanh toán kinh phí hỗ trợ duy trì, phát triển cung ứng dịch vụ viễn thông công ích do các doanh nghiệp viễn thông cung ứng theo yêu cầu của Nhà nước.

Điều 3.[2] Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2009 và thay thế Quyết định số 40/2008/QĐ-BTTTT ngày 02/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và

Căn cứ Quyết định số 191/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 74/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 67/2006/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,".

[2] Thông tư số 38/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2009/TT-BTTTT ngày 20 tháng 7 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức hỗ trợ duy trì và phát triển cung ứng dịch vụ viễn thông công ích, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2010 quy định như sau:

"Điều 2. *Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2010.*

Điều 3. *Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Viễn thông; Hội đồng quản lý, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Giám đốc các Sở Thông tin và Truyền thông; Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ viễn thông viễn thông công ích và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm triển khai thi hành Thông tư này."*

Truyền thông về việc ban hành định mức hỗ trợ duy trì và phát triển cung ứng dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2008 - 2010.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Viễn thông; Chủ tịch Hội đồng Quản lý, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông; Giám đốc các Sở Thông tin và Truyền thông và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 2255/VBHN-BTTTT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2013

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thành Hưng

Phụ lục 1

ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ DUY TRÌ, PHÁT TRIỂN CUNG ỨNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2009/TT-BTTTT ngày 20/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông*)

Phần I

ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VIỄN THÔNG DUY TRÌ CUNG ỨNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP TẠI VÙNG ĐƯỢC CUNG ỨNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

1.1. Định mức hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông duy trì mạng điện thoại cố định và Internet

1.1.1. Định mức hỗ trợ

Đơn vị: đồng/thuê bao/tháng

Mã số	Tên định mức	Định mức áp dụng cho các khu vực				
		Khu vực 1		Khu vực 2		Khu vực 3
		2009	2010	2009	2010	2009 ÷ 2010
1.1.1	Hỗ trợ duy trì mạng điện thoại cố định					
1.1.1.1	Hỗ trợ duy trì mạng điện thoại cố định hữu tuyến	8.000	0	21.000	15.000	70.000
1.1.1.2	Hỗ trợ duy trì mạng điện thoại cố định vô tuyến sử dụng công nghệ CDMA	6.000	0	17.000	12.000	56.000
1.1.1.3	Hỗ trợ duy trì mạng điện thoại cố định vô tuyến sử dụng công nghệ GSM			13.000	9.000	42.000
1.1.2.	Hỗ trợ duy trì mạng internet băng rộng					
1.1.2.1	Hỗ trợ duy trì mạng internet băng rộng (ADSL)	12.000	12.000	25.000	25.000	40.000

1.1.2. Quy định áp dụng

a) Kinh phí hỗ trợ cho các doanh nghiệp được xác định theo số thuê bao của doanh nghiệp (không bao gồm số máy nghiệp vụ của các doanh nghiệp) thực tế duy trì hàng tháng trong kế hoạch của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt;

b) Trường hợp thuê bao sử dụng cả hai dịch vụ điện thoại cố định và truy nhập Internet băng rộng trên cùng một đường dây thuê bao thì mỗi dịch vụ được áp dụng riêng các định mức trên;

c) Không áp dụng định mức đối với duy trì điện thoại cố định trả trước;

d) Định mức này chỉ áp dụng để hỗ trợ doanh nghiệp duy trì cho mỗi hộ gia đình không quá 01 (một) thuê bao điện thoại cố định và không quá 01 (một) thuê bao Internet. Trường hợp hộ gia đình có trên 1 thuê bao thì doanh nghiệp được hỗ trợ là doanh nghiệp có hợp đồng phát triển thuê bao trước còn đang có hiệu lực và có phát sinh cước dịch vụ;

e) Định mức này áp dụng để hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông duy trì mạng điện thoại cố định và Internet cho cả năm 2009 và năm 2010 theo danh sách phân chia khu vực tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này.

1.2. Định mức hỗ trợ duy trì hệ thống thông tin qua vệ tinh (VSAT)

1.2.1. Định mức hỗ trợ

Đơn vị: đồng/trạm/tháng

Mã số	Tên định mức	Định mức hỗ trợ
1.2.1	Hỗ trợ duy trì trạm thông tin vệ tinh	
1.2.1.1	Hỗ trợ duy trì trạm thông tin vệ tinh trên đất liền (áp dụng cho khu vực 3)	4.000.000
1.2.1.2	Hỗ trợ duy trì trạm thông tin vệ tinh trên đảo (không phân biệt khu vực)	8.000.000

1.2.2. Quy định áp dụng

a) Kinh phí hỗ trợ cho các doanh nghiệp được xác định theo số trạm VSAT của doanh nghiệp thực tế duy trì hàng tháng trong năm thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. Trong đó:

- Định mức duy trì trạm thông tin vệ tinh trên đất liền chỉ áp dụng đối với khu vực 3 theo danh sách phân chia khu vực tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này. Định mức này áp dụng cho cả năm 2009 và năm 2010.

- Định mức duy trì trạm thông tin vệ tinh trên đảo áp dụng không phân biệt khu vực. Định mức này áp dụng cho cả năm 2009 và năm 2010.

b) Định mức áp dụng hỗ trợ cho các trạm VSAT thực hiện cung ứng dịch vụ làm chức năng đầu cuối, trực tiếp cung ứng dịch vụ viễn thông công ích (không áp dụng định mức hỗ trợ cho các trạm VSAT được sử dụng làm trung kế).

1.3. Định mức hỗ trợ duy trì các Đài thông tin duyên hải sử dụng công nghệ vô tuyến HF để cung ứng dịch vụ điện thoại liên lạc giữa tầu cá với các thuê bao điện thoại trên đảo, trên đất liền

1.3.1. Định mức hỗ trợ

Đơn vị: đồng/trạm/tháng

Mã số	Tên định mức	Định mức áp dụng
1.3.1	Hỗ trợ duy trì các Đài thông tin duyên hải	
1.3.1.1.	Hỗ trợ duy trì các Đài thông tin duyên hải sử dụng công nghệ thoại HF	8.000.000

1.3.2. Quy định áp dụng

a) Kinh phí hỗ trợ cho các doanh nghiệp được xác định theo số Đài thông tin duyên hải thực tế duy trì hàng tháng, không biệt khu vực lắp đặt trạm. Số đài được hỗ trợ duy trì theo kế hoạch của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt.

b) Định mức này áp dụng trong năm 2009.

c) Định mức này áp dụng từ khi Nhà nước quy định giá cước liên lạc tầu - bờ thông qua mạng thông tin liên lạc trên biển.

1.4. Định mức hỗ trợ duy trì điểm truy nhập điện thoại công

1.4.1. Định mức hỗ trợ

Đơn vị: đồng/điểm/tháng

Mã số	Tên định mức	Định mức áp dụng cho các vùng		
		Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1.4.1	Hỗ trợ duy trì điểm truy nhập điện thoại có người phục vụ			
1.4.1.1	Điểm truy nhập điện thoại công cộng có người phục vụ sử dụng mạng hữu tuyến	600.000	1.000.000	1.800.000
1.4.1.2	Điểm truy nhập điện thoại công cộng có người phục vụ sử dụng mạng vô tuyến (bao gồm cả sử dụng VSAT ở khu vực 3)	600.000	1.000.000	1.800.000

Mã số	Tên định mức	Định mức áp dụng cho các vùng		
		Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1.4.2	Điểm truy nhập điện thoại không có người phục vụ			
1.4.2.1	Điểm truy nhập điện thoại không có người phục vụ sử dụng mạng hữu tuyến	50.000	60.000	80.000

1.4.2. Quy định áp dụng

a) Mức hỗ trợ duy trì điểm truy nhập điện thoại công cộng thiết lập từ năm 2007 về trước được tính bằng 0,7 lần định mức;

b) Mức hỗ trợ duy trì điểm truy nhập điện thoại công cộng mới thiết lập trong các năm 2008, 2009, 2010 tại các xã đến đầu năm 2008 chưa có điểm truy nhập điện thoại công cộng (theo danh sách đặt hàng của Bộ Thông tin và Truyền thông) và tại các đơn vị quốc phòng (theo Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-BTTTT-BQP giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Quốc phòng) được tính bằng định mức quy định trên;

c) Các điểm truy nhập điện thoại công cộng được hỗ trợ bao gồm:

- Điểm truy nhập điện thoại công cộng tại các Bưu cục, các điểm Bưu điện - Văn hóa xã.

- Các điểm truy nhập điện thoại công cộng do doanh nghiệp viễn thông sở hữu, trực tiếp duy trì, bao gồm cả các điểm do doanh nghiệp thuê địa điểm ổn định.

Không áp dụng định mức này để hỗ trợ cho các hợp đồng đại lý điện thoại của các doanh nghiệp viễn thông (ngoài các Bưu cục và các điểm Bưu điện - Văn hóa xã) và các điểm truy nhập điện thoại công cộng đang được hỗ trợ chi phí duy trì bởi các chương trình, dự án khác.

d) Tại điểm truy nhập điện thoại công cộng, doanh nghiệp phải có Cabin gọi điện thoại công cộng, đồng hồ tính cước và phải niêm yết công khai bảng giá cước các dịch vụ viễn thông;

e) Các điểm truy nhập điện thoại công cộng không có người phục vụ được hỗ trợ duy trì là các trạm CardPhone;

f) Kinh phí hỗ trợ được xác định theo số điểm truy nhập điện thoại công cộng thực tế duy trì hàng tháng và có phát sinh cước truy nhập dịch vụ điện thoại công cộng;

g) Định mức này áp dụng để hỗ trợ doanh nghiệp duy trì điểm truy nhập điện thoại công cộng cho cả năm 2009 và năm 2010 theo danh sách phân chia khu vực tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này.

1.5. Định mức hỗ trợ duy trì điểm truy nhập intertnet công cộng

1.5.1. Định mức hỗ trợ

Đơn vị: đồng/điểm/tháng

Mã số	Tên định mức	Định mức áp dụng cho các khu vực		
		Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1.5.1	Điểm truy nhập internet công cộng băng rộng (ADSL) có người phục vụ			
1.5.1.1	Quy mô 2 máy vi tính	1.000.000	1.800.000	2.600.000
1.5.1.2	Quy mô từ 3 máy vi tính trở lên	1.300.000	2.200.000	3.100.000
1.5.2	Điểm truy nhập dịch vụ internet công cộng bằng các phương thức khác (ngoài ADSL)			
1.5.2.1	Quy mô 2 máy vi tính	700.000	1.200.000	1.800.000
1.5.2.2	Quy mô từ 3 máy vi tính trở lên	900.000	1.500.000	2.100.000

1.5.2. Quy định áp dụng

a) Mức hỗ trợ duy trì điểm truy nhập internet công cộng thiết lập từ năm 2007 về trước quy định tại bảng trên được tính bằng 0,7 lần định mức;

b) Mức hỗ trợ duy trì điểm truy nhập internet công cộng mới thiết lập từ năm 2008 tại các xã tính đến đầu năm 2008 chưa có điểm truy nhập internet công cộng (theo danh sách đặt hàng của Bộ Thông tin và Truyền thông) và tại các đơn vị Quốc phòng (theo Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT/BTTTT-BQP giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Quốc phòng) được tính bằng định mức quy định trên;

c) Đối với điểm truy nhập internet công cộng bằng phương thức gián tiếp (Dial-Up) chỉ áp dụng định mức hỗ trợ duy trì đến hết năm 2009;

d) Định mức trên áp dụng cho điểm truy nhập internet công cộng có quy mô từ 2 máy tính trở lên và có ít nhất 1 cabin điện thoại công cộng.

- Việc xác định số máy vi tính tại các điểm truy nhập internet công cộng căn cứ vào các thủ tục, chứng từ mua bán, bàn giao tài sản của doanh nghiệp theo quy định tại chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.

- Tại điểm truy nhập internet công cộng, doanh nghiệp phải có Cabin gọi điện thoại, đồng hồ tính cước và phải niêm yết công khai bảng giá cước các dịch vụ viễn thông. Điểm truy nhập được hỗ trợ phải đảm bảo chất lượng dịch vụ theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

e) Các điểm truy nhập internet công cộng được hỗ trợ bao gồm:

- Điểm truy nhập internet công cộng tại các Bưu cục, điểm Bưu điện - Văn hóa xã.

- Các điểm truy nhập internet công cộng do doanh nghiệp viễn thông sở hữu và trực tiếp duy trì, bao gồm cả các điểm do doanh nghiệp thuê địa điểm ổn định.

Không áp dụng định mức này để hỗ trợ đối với các hợp đồng đại lý dịch vụ truy nhập internet (ngoài các điểm đặt tại các Bưu cục, các điểm Bưu điện - Văn hóa xã) và các điểm truy nhập Internet công cộng đang được tài trợ chi phí duy trì bởi các chương trình, dự án khác;

f) Kinh phí hỗ trợ được xác định theo số điểm truy nhập internet công cộng thực tế duy trì hàng tháng và có phát sinh cước truy nhập dịch vụ internet công cộng.

g) Định mức này áp dụng để hỗ trợ doanh nghiệp duy trì điểm truy nhập internet công cộng cho cả năm 2009 và năm 2010 theo danh sách phân chia khu vực tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này.

1.6. Định mức hỗ trợ doanh nghiệp lắp đặt phát triển mới thuê bao điện thoại cố định hữu tuyến cho cá nhân, hộ gia đình

1.6.1. Định mức hỗ trợ

Đơn vị tính: đồng/thuê bao phát triển mới

Mã số	Tên định mức	Định mức áp dụng
1.6.1	Hỗ trợ lắp đặt mới thuê bao điện thoại cố định	
1.6.1.1	Hỗ trợ lắp đặt mới thuê bao điện thoại cố định hữu tuyến	300.000

1.6.2. Quy định áp dụng

a) Định mức này chỉ áp dụng hỗ trợ doanh nghiệp cung ứng dịch vụ lắp đặt phát triển mới thuê bao điện thoại cố định hữu tuyến cho cá nhân, hộ gia đình ở khu vực 3;

b) Định mức này áp dụng để hỗ trợ doanh nghiệp lắp đặt phát triển mới thuê bao điện thoại cố định hữu tuyến cho cá nhân, hộ gia đình cho cả năm 2009 và năm 2010 theo danh sách phân chia khu vực tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này.

Phần II
ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ DUY TRÌ, PHÁT TRIỂN THUÊ BAO CỦA CÁC CÁ NHÂN, HỘ GIA ĐÌNH SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP TẠI VÙNG ĐƯỢC CUNG ỨNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

2.1. Hỗ trợ duy trì thuê bao điện thoại cố định

2.1.1. Định mức hỗ trợ

Đơn vị: đồng/thuê bao/tháng

Mã số	Tên định mức	Định mức áp dụng cho các vùng		
		Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
2.2.1	Hỗ trợ duy trì thuê bao điện thoại cố định			
2.2.1.1	Hỗ trợ duy trì thuê bao điện thoại cố định hữu tuyến	8.000	11.000	15.000
2.2.1.2	Hỗ trợ duy trì thuê bao điện thoại cố định vô tuyến sử dụng công nghệ CDMA	8.000	11.000	15.000
2.2.1.3	Hỗ trợ duy trì thuê bao điện thoại cố định vô tuyến sử dụng công nghệ GSM	8.000	11.000	15.000

2.1.2. Quy định áp dụng

a) Mỗi hộ gia đình được Nhà nước hỗ trợ duy trì thuê bao hàng tháng không quá 01 (một) thuê bao điện thoại cố định.

b) Doanh nghiệp chỉ thu của chủ thuê bao số tiền chênh lệch giữa mức cước thuê bao hàng tháng do cơ quan Nhà nước quy định với mức hỗ trợ theo định mức trên.

Chủ thuê bao là cá nhân, hộ gia đình được giảm trừ mức cước phải trả cho doanh nghiệp theo định mức trên. Nhà nước thanh toán khoản hỗ trợ theo định mức trên cho chủ thuê bao thông qua doanh nghiệp viễn thông.

c) Định mức trên áp dụng đối với duy trì thuê bao điện thoại cố định trả sau trong điều kiện cước thuê bao điện thoại cố định hàng tháng do Nhà nước quy định là 20.000 đồng/tháng.

Trường hợp Nhà nước có quyết định thay đổi cước thuê bao điện thoại cố định thì định mức hỗ trợ trên được điều chỉnh như sau:

Khu vực 1 tính bằng 40% mức cước được Nhà nước quy định.

Khu vực 2 tính bằng 55% mức cước được Nhà nước quy định.

Khu vực 3 tính bằng 75% mức cước được Nhà nước quy định.

Nếu Nhà nước quy định mức cước trần hoặc khung cước cho dịch vụ duy trì thuê bao điện thoại cố định thì tỷ lệ trên được xác định theo mức cước trần. Nếu Nhà nước quy định mức cước sàn thì tỷ lệ trên được xác định theo mức cước sàn.

2.2. Định mức hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho chủ thuê bao cá nhân, hộ gia đình sử dụng dịch vụ điện thoại, dịch vụ truy nhập internet

2.2.1. Định mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho việc sử dụng dịch vụ điện thoại cố định và dịch vụ truy nhập internet

Đơn vị: đồng/thuê bao phát triển mới

Mã số	Tên định mức	Định mức hỗ trợ áp dụng cho các khu vực				
		Khu vực 1		Khu vực 2		Khu vực 3
		2009	2010	2009	2010	2009 ÷ 2010
2.2.1	Phát triển mới thuê bao điện thoại cố định trên đất liền, trên đảo					
2.2.1.1	Thuê bao điện thoại cố định hữu tuyến	100.000	0	140.000	0	200.000
2.2.1.2	Thuê bao điện thoại cố định vô tuyến công nghệ CDMA	100.000	0	140.000	0	200.000
2.2.1.3	Thuê bao điện thoại cố định vô tuyến công nghệ GSM	100.000	0	140.000	0	200.000
2.2.2	Phát triển mới thuê bao truy nhập internet băng rộng					
2.2.2.1	Modem truy nhập internet băng rộng (ADSL)	200.000	200.000	300.000	300.000	400.000

b) Hỗ trợ máy thu phát sóng vô tuyến HF cho tàu cá

Đơn vị tính: đồng/tàu cá

Mã số	Tên định mức	Định mức hỗ trợ (không phân biệt khu vực)
2.2.3	Máy thu phát sóng trên tàu cá	
2.2.3.1	Máy thu phát sóng vô tuyến HF công nghệ thoại cho tàu cá	4.000.000

2.2.2. Quy định áp dụng

a) Chủ thuê bao điện thoại cố định, thuê bao sử dụng dịch vụ truy nhập internet băng rộng tự quyết định việc mua thiết bị đầu cuối và được giảm trừ khoản hỗ trợ trên vào cước, phí phát sinh phải trả cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ. Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho chủ thuê bao thông qua doanh nghiệp viễn thông. Doanh nghiệp viễn thông được quy định mức tiền giảm trừ hàng tháng cho chủ thuê bao theo nguyên tắc đảm bảo thuê bao nhận đủ số tiền Nhà nước hỗ trợ theo định mức;

b) Mỗi hộ gia đình chỉ được Nhà nước hỗ trợ phát triển mới không quá 01 (một) lần và không quá 01 (một) thiết bị đầu cuối cho thuê bao điện thoại cố định và thuê bao Internet;

c) Không áp dụng định mức để hỗ trợ thiết bị đầu cuối đối với thuê bao sử dụng dịch vụ điện thoại cố định trả trước;

d) Kinh phí Nhà nước hỗ trợ thiết bị đầu cuối đã tạm ứng cho doanh nghiệp trong năm, nếu chưa trừ hết vào cước sử dụng dịch vụ cho các chủ thuê bao thì chuyển sang năm sau để theo dõi trừ tiếp. Trường hợp có thuê bao rời mạng mà chưa được trừ hết kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối vào cước sử dụng dịch vụ thì chủ thuê bao không được hỗ trợ số kinh phí còn lại và Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam không quyết toán số kinh phí hỗ trợ còn lại cho những trường hợp này;

e) Đối với định mức hỗ trợ máy thu phát sóng vô tuyến HF công nghệ thoại cho tàu cá:

- Áp dụng nguyên tắc hỗ trợ theo điểm a và d mục này.

- Mỗi tàu cá đến đầu năm 2009 chưa có máy thu phát sóng vô tuyến HF công nghệ thoại được hỗ trợ một lần, một máy thu phát sóng vô tuyến HF công nghệ thoại khi đăng ký sử dụng dịch vụ liên lạc với Công ty Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam.

- Chủ tàu cá chỉ được hỗ trợ khi đã đăng ký tàu với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2.3. Thủ tục để cá nhân, hộ gia đình được hưởng chính sách hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích của Nhà nước[3]

a) Cá nhân, hộ gia đình sử dụng dịch vụ điện thoại cố định, internet hưởng chính sách hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích của Nhà nước

- Hộ gia đình là chủ thể xã hội đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Sổ hộ khẩu riêng, có địa chỉ cư trú cụ thể.

- Cá nhân được hưởng hỗ trợ phát triển, duy trì sử dụng dịch vụ viễn thông công ích trong vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích là những người riêng lẻ đã có hộ khẩu thường trú ở một địa phương (phường, xã, thị trấn) nhưng đến công tác, làm ăn sinh sống tại một xã, phường, thị trấn khác (không thuộc xã, phường, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú);

b) Thủ tục để cá nhân, hộ gia đình được hưởng chính sách hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích của Nhà nước

- Bản sao Hộ khẩu (đối với hộ gia đình) hoặc giấy đăng ký tạm trú (đối với cá nhân) có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của Phòng Công chứng.

- Hợp đồng phát triển thuê bao với doanh nghiệp cung ứng dịch vụ viễn thông công ích ghi rõ ngày, tháng, năm ký hợp đồng và thể hiện đầy đủ họ tên chủ hộ, số sổ hộ khẩu, số chứng minh thư của chủ hộ, địa chỉ cư trú của hộ (đối với hộ gia đình); họ tên, số chứng minh thư, địa chỉ tạm trú của cá nhân (đối với cá nhân). Trong Hợp đồng phát triển thuê bao hưởng chính sách hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, chủ hộ (đối với hộ gia đình) và cá nhân có tên trong giấy đăng ký tạm trú (đối với cá nhân) là người đại diện ký hợp đồng.

2.4. Thủ tục thông báo kinh phí hỗ trợ cho chủ thuê bao được hưởng chính sách hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích[4]

Để chủ thuê bao biết được số kinh phí được Nhà nước hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, doanh nghiệp phải thể hiện các nội dung sau trên thông báo (hoặc bảng kê) thu cước đối với chủ thuê bao:

a) Đối với kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho chủ thuê bao phát triển mới, trừ vào cước sử dụng dịch vụ, thông báo thành dòng riêng như sau:

---

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 38/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2009/TT-BTTTT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2010.

[4] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 38/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2009/TT-BTTTT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2010.

"Số tiền Nhà nước hỗ trợ thiết bị đầu cuối (trừ vào cước sử dụng dịch vụ) kỳ này là…… đồng".

b) Đối với kinh phí hỗ trợ cước duy trì thuê bao hàng tháng theo định mức của Nhà nước, thông báo thành dòng riêng như sau:

"Nhà nước hỗ trợ cước duy trì thuê bao là …….. đồng".

c) Đối với dịch vụ viễn thông công ích không chịu thuế giá trị gia tăng, thông báo thành dòng riêng như sau:

"Cước dịch vụ viễn thông công ích không chịu thuế giá trị gia tăng theo chính sách của Nhà nước là …….. đồng".

Phần III
ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ CUNG ỨNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG BẮT BUỘC TRÊN PHẠM VI CẢ NƯỚC

3.1. Định mức hỗ trợ liên lạc dịch vụ viễn thông bắt buộc

3.1.1. Định mức hỗ trợ

Được tính bằng mức cước liên lạc do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định đối với dịch vụ điện thoại cố định nội hạt, nội tỉnh. Trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định khung giá cước thì mức hỗ trợ theo mức cước sàn.

3.1.2. Quy định áp dụng

a) Dịch vụ viễn thông bắt buộc được hỗ trợ bao gồm các dịch vụ: 113, 114, 115, 116 phát sinh từ mạng điện thoại cố định gọi trong nội hạt, nội tỉnh.

b) Khu vực hỗ trợ: trên phạm vi cả nước.

Trường hợp mức cước liên lạc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành chưa bao gồm thuế VAT thì định mức hỗ trợ được bổ sung vào thêm số thuế VAT phải nộp Nhà nước theo quy định của pháp luật

3.2. Định mức hỗ trợ duy trì thông tin viễn thông dự báo thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên biển:

3.2.1. Định mức hỗ trợ

Đơn vị tính: nghìn đồng/Đài thông tin duyên hải/tháng

Mã số	Tên định mức	Định mức
3.2.1	Hỗ trợ duy trì hệ thống thu phát, truyền dẫn thông tin dự báo thiên tai trên biển và thông tin cấp cứu, tìm kiếm cứu nạn trên biển	35.000

3.2.2. Quy định áp dụng:

a) Định mức này áp dụng hỗ trợ cho các đài thông tin duyên hải cung ứng dịch vụ dự báo thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên biển. Số đài được hỗ trợ duy trì theo kế hoạch được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt;

b) Định mức này áp dụng trong năm 2009;

c) Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ được hỗ trợ kinh phí theo số đài cung ứng dịch vụ thực tế và phải đảm bảo:

- Số giờ duy trì cung ứng dịch vụ thông tin cấp cứu, tìm kiếm cứu nạn trên biển cho tàu cá là 24/24h hàng ngày cho tất cả các ngày trong tháng đối với các đài được hỗ trợ;

- Số bản tin dự báo thiên tai cho tầu cá tối thiểu 2 bản tin/ngày/đài.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng